TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/DSST
Ngày: 22-01-2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Mỡn.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1/ Bà Trần Thị Thu Hà.
2/ Ông Huỳnh Văn Hồng.
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Hương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 250/2023/TLST – DS ngày 12 tháng 07 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc P** (tên thường gọi là **Thúy**), sinh năm: 1971 (có mặt).

- Bị đơn:

1.Bà **Nguyễn Thị Bé H,** sinh năm: 1977 (vắng mặt).

2.Ông **Đỗ Văn L** (tên thường gọi là **Tấm**), sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Tất cả cùng địa chỉ cư trú: ấp Phước Trường, xã Quới An, huyện v, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P trình bày:

Từ năm 2019 đến năm 2020 thì bà Nguyễn Thị Bé H và ông Đỗ Văn L có nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Ngọc P, các lần vay tiền đều có làm biên nhận. Khoảng giữa năm 2020 thì bà P và bà Bé H có kết nợ lại tất cả các khoản tiền bà Bé H và ông L đã vay trước đó đến thời điểm kết nợ bằng tờ biên nhận tổng kết số tiền còn nợ là 420.000.000đồng, có hẹn mỗi tháng trả 15.000.000đồng, bắt đầu trả từ

ngày 25/8/2020 (âl). Các biên nhận cũ đã vay trước đó thì bà P đã giao trả lại cho bà Bé H giữ. Bà P có cung cấp biên nhận cho Tòa án, trên biên nhận hai dòng đầu tiên và dòng cuối cùng là do bà P viết, phần còn lại là do bà Bé H viết. Mục đích vay tiền để có vốn làm ăn và trả các chi P để cho con ruột ông L, bà Bé H đi Nhật.

Nay bà P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H và ông Đỗ Văn L phải trả lại số tiền vốn vay là 420.000.000đồng (bốn trăm hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H và ông Đỗ Văn L trình bày:

Ông L có tên thường gọi là Tấm. Trước đây ông Nguyễn Văn L cùng với vợ là bà Nguyễn Thị Bé H có vay của bà Nguyễn Ngọc P (tên thường gọi là Thúy) số tiền là 85.000.000 đồng vào ngày 06/01/2019 (âl), khi vay có làm biên nhận do bà P giữ, thỏa thuận lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (thỏa thuận bằng lời nói). Có đóng tiền lãi nhiều lần số tiền tổng cộng là 275.000.000đồng, các lần đóng lãi không có làm biên nhận.

Ngoài số tiền này thì bà Bé H và ông L không có vay của bà P số tiền nào khác. Biên nhận bà P cung cấp thì chữ ký trong biên nhận là của ông L và bà Bé H, ông L và bà Bé H không yêu cầu giám định chữ ký đối với biên nhận do bà P cung cấp.

Ông L và bà Bé H không có vay của bà Nguyễn Ngọc P số tiền 420.000.000 đồng. Nay với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc P thì ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị Bé H không đồng ý, ông L và bà Bé H chỉ đồng ý trả lại cho bà P số tiền vốn vay là 85.000.000 đồng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng L có ý kiến là: Thủ tục thụ lý vụ án, xác định mối quan hệ pháp luật dân sự của vụ án, quá trình chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ của Thẩm phán và tiến hành phiên tòa sơ thẩm của Hội đồng xét xử sơ thẩm là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án P và lệ P Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H và ông Đỗ Văn L có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay là 420.000.000đồng.

- Án P dân sự sơ thẩm: buộc bà Nguyễn Thị Bé H và ông Đỗ Văn L phải nộp số tiền 20.800.000đồng.

- *Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp*: Giấy nợ năm 2020 (bản gốc).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng L.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H và ông Đỗ Văm L đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng L triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Nội dung vụ án: Bà Nguyễn Ngọc P yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H và ông Đỗ Văn L trả số tiền vốn vay là 420.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ông L và bà Bé H chỉ đồng ý trả cho bà P số tiền vốn vay là 85.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Bé H và ông L (tên thường gọi là Tấm) có vay tiền của bà Nguyễn Ngọc P (tên thường gọi là Thúy) nhiều lần, từ năm 2019 đến năm 2020. Sau đó đến khoảng giữa năm 2020 thì bà P và ông L, bà Bé H có kết nợ lại còn nợ số tiền tổng cộng là 420.000.000đồng bằng biên nhận nợ năm 2020 với nội dung: *"tôi vợ chồng Bé H có thiếu cô Thúy tổng cộng số tiền là 420.000.000 đ, có hứa trả mỗi tháng 15 triệu. Nay tôi đồng ý trả cho cô P mỗi tháng mười lâm triệu đồng chả đủ hai mươi tám tháng. Bắt đầu chả ngày hai lâm/tháng tám/2020"*.

Bà Bé H và ông L thừa nhận giấy nợ do bà P cung cấp thì bà Bé H và ông L có ký ghi họ tên, trong biên nhận ông L ký tên là Tấm. Tuy nhiên ông L và bà Bé H chỉ thừa nhận có vay tiền của bà Thúy một lần vào ngày 06/01/2019 âm lịch số tiền 85.000.000đồng, chứ không có vay của bà Thúy số tiền 420.000.000đồng như lời bà Thúy trình bày nên ông L và bà Bé H chỉ đồng ý trả cho bà Thúy số tiền 85.000.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy trong giấy nợ năm 2020, trong nội dung biên nhận phần đầu "*tôi vợ chồng Bé H có thiếu cô Thúy tổng cộng số tiền là 420.000.000 đ, có hứa trả mỗi tháng 15 triệu"* là chữ viết bà Thúy và phần "*Nay tôi đồng ý trả cho cô P mỗi tháng mười lâm triệu đồng chả đủ hai mươi tám tháng. Bắt đầu chả ngày hai lâm/tháng tám/2020"* là chữ viết của bà Bé H. Tuy bà Bé H không có ghi số tiền nợ vay nhưng phần nội dung biên nhận này có thể hiện rõ là bà Bé H và ông L thừa nhận có vay tiền của bà P thể hiện qua việc bà Bé H và ông L đồng ý trả cho bà P mỗi tháng là 15.000.000 đồng, trả trong vòng 28 tháng, tức 15.000.000đồng x 28 tháng bằng số tiền vốn vay là 420.000.000đồng. Căn cứ theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố Tụng dân sự thì đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh, tuy nhiên cho đến thời điểm xét xử ông L và bà Bé H cũng không cung cấp tài liệu,

chứng cứ chứng minh chỉ vay số tiền 85.000.000 đồng, không có vay số tiền 420.000.000đồng nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Do vậy buộc ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị Bé H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc P số tiền vốn vay là 420.000.000 đồng.

[4] Ông L và bà Bé H trình bày có trả cho bà P số tiền lãi là 275.000.000đồng tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cho đến thời điểm xét xử ông L và bà Bé H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có trả tiền lãi cho bà P, bà P không thừa nhận có nhận khoản tiền lãi nào từ bà Bé H. Ông L và bà Bé H không có yêu cầu gì đối với khoản tiền lãi nêu trên nên Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Bà Nguyễn Ngọc P không yêu cầu tính lãi suất của số tiền vốn vay là 420.000.000đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ những nhận định trên đã có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P.

Buộc ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị Bé H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc P số tiền nợ vay vốn là 420.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi triệu đồng).

[7] Án P sơ thẩm: Buộc ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị Bé H phải nộp: 20.000.000đồng + (4% x 20.000.000đồng) = 20.800.000 đồng (hai mươi triệu tám trăm ngàn đồng) .

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án P và lệ P Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P.

Buộc ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị Bé H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc P số tiền nợ vay vốn là 420.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án P dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị Bé H phải nộp 20.800.000 đồng (hai mươi triệu tám trăm ngàn đồng) án P dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Ngọc P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Ngọc Phí số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.500.000đồng (mười

triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009649 ngày 12 tháng 07 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện V;
-Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Mỡn